

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/DS-ST

Ngày: 03 - 7 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 JACCS.

Địa chỉ: Lầu A tòa nhà C, 7 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông TANIGUCHI NOBORU-
chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H-chức vụ:
Trưởng bộ phận cấp cao bộ phận quản lý công nợ.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm: 1986
(văn bản ủy quyền số: 829/2023/UQ-LM-JIVF ngày 14/12/2023, có mặt).

Địa chỉ: Lầu A tòa nhà C, 7 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đăng T là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/02/2023, bà Trần Thị Mỹ C ký kết hợp đồng tín dụng số: 930290003894484000 với Công ty T2 JACCS (gọi tắt là Công ty). Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận như sau:

Công ty cho bà C vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích vay là sửa chữa nhà ở, thời hạn là 18 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 21/02/2023), lãi suất thỏa thuận là 52,5%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và thỏa thuận về phí quản lý khoản vay, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi thực hiện theo kỳ (trả hàng tháng vào ngày 12).

Kể từ ngày giải ngân đến ngày 16/4/2023, bà C đã thanh toán nợ cho Công ty được 02 kỳ, số tiền tổng cộng là 4.902.888 đồng (trong đó, tiền vốn là 2.795.718 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.079.692 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.478 đồng và phí quản lý khoản vay là 24.000 đồng). Kể từ sau ngày 16/4/2023, cho đến nay bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía Công ty có liên hệ thông báo việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thông báo nợ quá hạn và yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, bà C không có thiện chí trong việc thanh toán nợ nên Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C phải có trách nhiệm trả một lần cho Công ty tiền vay còn nợ tính đến ngày 03/7/2024, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 27.204.282 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.036.165 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.007.006 đồng và phí quản lý khoản vay là 156.000 đồng, tổng cộng các khoản là 47.403.453 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà C tiếp tục trả tiền lãi phát sinh, phí quản lý khoản vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 04/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Công ty không đồng ý để bà C trả dần khoản nợ nêu trên theo đề nghị của bà C.

Bà Trần Thị Mỹ C là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty là đúng và thống nhất với lời trình bày của phía Công ty về các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng; khi bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ Công ty có thông báo, yêu cầu trả nợ nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cho đến nay vẫn chưa thanh toán nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo bà nhớ đã thanh toán nợ cho Công ty được 04 kỳ nhưng không nhớ số tiền cụ thể và chưa tìm được giấy tờ để chứng minh. Tại phiên tòa, phía Công ty xác định bà thanh toán nợ được 02 kỳ tổng cộng là 4.902.888 đồng bà vẫn thống nhất.

Bà đồng ý trả cho Công ty số tiền tính đến ngày 03/7/2024 tổng cộng là 47.403.453 đồng và đồng ý trả tiền lãi, phí phát sinh nhưng đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền là hơn 1.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ, bà không có khả năng thanh toán nợ một lần theo yêu cầu khởi kiện của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng: Công ty T2 JACCS (gọi tắt là Công ty) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ C phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà C là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định: Ngày 19/02/2023, bà C ký kết hợp đồng tín dụng số: 930290003894484000 với Công ty để vay tiền. Đồng thời, bà C thừa nhận còn nợ Công ty tiền vay vốn là 27.204.282 đồng và tiền lãi, phí quản lý khoản vay, kể từ ngày 17/4/2023 cho đến nay. Vì vậy, cơ sở xác định việc hai bên có xác lập hợp đồng vay tín dụng với nhau là sự thật và việc ký kết hợp đồng giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù, hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn thanh toán nợ (ngày 12/8/2024) nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ (trả hàng tháng vào ngày 12), kể từ sau ngày 16/4/2023 cho đến nay; khi bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Công ty

thông báo nợ quá hạn, yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà C đã vi phạm về hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, hai bên thống nhất với nhau về số tiền còn nợ nhưng không thỏa thuận được về thời gian và phương thức trả nợ, cụ thể: Bà C đề nghị được trả dần hàng tháng (mỗi tháng trả số tiền hơn 1.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ) nhưng không được phía nguyên đồng đồng ý. Cho nên, đề nghị của bà C không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Về tiền lãi và phí: Sau khi xem xét bảng kê ngày 03/7/2024 do Công ty cung cấp tại phiên tòa, Công ty đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau: Tiền lãi trong hạn là 16.036.165 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.007.006 đồng và phí quản lý khoản vay là 156.000 đồng.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với bà C, buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền vay còn nợ tính đến ngày 03/7/2024 tổng cộng là 47.403.453 đồng, trong đó: T1 vay vốn là 27.204.282 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.036.165 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.007.006 đồng và phí quản lý khoản vay là 156.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phí theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 930290003894484000 ngày 19/02/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Việc bà C cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định để thực hiện nghĩa vụ sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả cho Công ty tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng, do ông Nguyễn Đăng T nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002441 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là:

$$47.403.453 \text{ đồng} \times 5\% = 2.370.172 \text{ đồng tính tròn là } 2.370.000 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 JACCS về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trần Thị Mỹ C.

Buộc bà Trần Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 JACCS, số tiền còn nợ tính đến ngày 03/7/2024 tổng cộng là 47.403.453 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm lẻ ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Tiền vay vốn là 27.204.282 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.036.165 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.007.006 đồng và phí quản lý khoản vay là 156.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2024), bà Trần Thị Mỹ C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phí theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 930290003894484000 ngày 19/02/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí: Trả Công ty T2 JACCS tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), do ông Nguyễn Đăng T nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002441 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Thị Mỹ C phải chịu án phí sơ thẩm là 2.370.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T2 JACCS và bà Trần Thị Mỹ C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/7/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát